

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2017
“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2017 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị T sinh năm 1981, địa chỉ ấp S, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Kim Sâm B sinh năm 1980, địa chỉ ấp B, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Thạch Thị T và anh Kim Sâm B tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung là Kim Thị Ngọc H sinh ngày 08-9-2001, đến năm 2006 chị T và anh B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không yêu thương tin tưởng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên anh, chị không còn sống chung cho đến nay. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh B, về con chung yêu cầu được nuôi dưỡng Kim Thị Ngọc H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết. Anh Kim Sâm B đã được

Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Thạch Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Kim Sâm B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; về con chung là Kim Thị Ngọc H có nguyện vọng sống với chị T nên đề nghị giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ngoài ra đương sự không yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Kim Sâm B đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Thạch Thị T có nội dung yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về tố tụng: Anh Kim Sâm B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[4]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị T, thấy rằng chị T và anh Kim Sâm B tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N đúng theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh B xảy ra từ năm 2006 đến nay, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống thường xuyên mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, anh, chị không còn sống chung nhiều năm mà không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ với nhau, qua xác minh thực tế tại nơi chị T và anh B sinh sống thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh B.

[5]. Về con chung: Chị T và anh B có một người con chung là Kim Thị Ngọc H sinh ngày 08-9-2001, thấy rằng từ khi anh, chị không còn sống chung thì

cháu Hương chung sống với chị T được nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, hơn nữa cháu H có nguyện vọng sống chung với chị T, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng cháu H.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con khi ly hôn theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nhưng T vẫn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[7]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8]. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9]. Về án phí: Chị Thạch Thị T có đơn xin miễn nộp án phí lý do là đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã N có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị T được ly hôn anh Kim Sâm B.

Về con chung: Giao cho chị Thạch Thị T được nuôi dưỡng một người con chung là Kim Thị Ngọc H sinh ngày 08-9-2001 theo nguyện vọng của của Ngọc H.

Về cấp dưỡng: Chị Thạch Thị T không yêu cầu anh Kim Sâm B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Không bên nào được ngăn cản việc trong nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thạch Thị T. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009569 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng